TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/2023/QĐST – HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 05 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2023;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Nhật L, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: K428/H29 đường T, tổ 22, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L kết hôn với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang nay là phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2005 ngày 10/3/2005). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống tổ 43, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Qúa trình chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để hòa giải với nhau nhưng vẫn không hòa thuận được. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó ông N, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông N, bà L vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy ông N, bà L đã thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với

nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Nhật L và ông Nguyễn Ngọc N thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2010. Tại đơn yêu cầu thì vợ chồng bà thỏa thuận giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên sau khi hỏi ý kiến các con thì con Nguyễn Ngọc T sẽ ở với ba (ông N), con Nguyễn Ngọc H sẽ ở với mẹ. Do đó, vợ chồng ông, bà đã thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2010 cho bà Trần Thị Nhật L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi; Giao con chung Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005 cho ông Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy ông N, bà L đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án chấp nhận thỏa thuận các đương sự.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị Nhật L và ông Nguyễn Ngọc N xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Nhật L và ông Nguyễn Ngọc N xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn nuôi con chung khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L về việc nuôi con chung như sau:

+ Giao con chung Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005 cho ông Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi

+ Giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2010 cho bà Trần Thị Nhật Linh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi;

+ Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L xác định không có.

2. Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0009459 ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Nhật L đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ (GCNKH Số 35/2005 ngày 10/3/2005)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương